

CÂU XÁ LUẬN SỚ

QUYỂN 18

Phẩm 4: PHÂN BIỆT NGHIỆP (Phần 6)

1. Nói về nghiệp chướng:

Luận chép: Trước đã nói v.v... trở xuống là thứ hai nói về nghiệp chướng, trong đó có sáu: 1. Nêu ra thể của nghiệp. 2. Nói riêng về phá tăng. 3. Nói về thành nghịch duyên. 4. Nói về gia hạnh định. 5. Nói về lỗi lớn trong tội nặng. 6. Nói về loại Vô Giá. Một hàng kệ tụng này là thứ nhất nói về thể của nghiệp chướng, luận chép cho đến là lời nói luống dối: Là nêu ra thể của năm tội nghịch, Thiên Thọ biết năm pháp thật ra chẳng phải đạo, các Tỳ-kheo điên cuồng không hiểu biết cho là đạo, vì thế thuộc về nói dối bốn thân nghiệp còn lại, làm thân Phật chảy máu là gia hạnh, còn ba thứ kia là sát căn bản. Luận chép: Đã là lời nói luống dối vì sao gọi là phá tăng, là hỏi, luận chép: Do được gọi là quả hoặc năng phá, nhân nói lời luống dối kia phá tăng, cố gắng ngữ là nhân phá tăng là quả, nhân lấy tên quả gọi là phá tăng. Hoặc người năng phá, dùng lời nói dối gạt có lực dụng năng phá tăng nên gọi là phá tăng, từ dụng làm tên gọi là phá tăng.

Luận chép: Nếu vậy, thể của phá tăng như thế nào? Dưới đây thứ hai nói về thể của phá tăng, trong đó có năm: 1. Thể Phá tăng và thành người. 2. Thời gian, nơi chốn năng phá thành. 3/ Đủ duyên thành phá tăng, phá hai hạng tăng khác nhau. 5. Không khi nào phá chấp luân thời. Một bài tụng thứ nhất nói về phá tăng và Thánh người. Luận chép cho đến, thuộc hành uẩn, nêu ra thể phá tăng, là giải thích phá tăng là không hòa hợp. Thuộc về Vô phú vô ký hành uẩn. Luận Bà-sa quyển một trăm mười sáu bình luận rằng tùy trụ sáu thức, tùy trụ năm thọ đều năng phá tăng, phá tăng lấy gì làm tự tánh? Đáp: Do không hòa hợp, vô phú vô ký bất tương ứng hành làm tự tánh, bất tương ứng thuộc hành uẩn tức nói các xứ khác. Lại có nhiều chủng loại bất tương ứng hành

như thế, theo văn luận này, bất hòa hợp tánh tức là phi đặc, không có tự thể riêng. Sở dĩ biết được là y theo luận Bà-sa quyển sáu mươi bình luận rằng thối tự tánh là không thành tựu, vô phú vô ký tức là phi đặc, tâm bất tương ưng thuộc về hành uẩn. Lại có các loại pháp như thế thuộc tâm bất tương ưng, pháp thối và thuận thối khác nhau. Pháp thuận thối dùng tất cả bất thiện, hữu phú vô ký làm tự tánh, như phá tăng khác với tội phá tăng, phá tăng dùng không hòa hợp làm tự tánh, vô phú vô ký, tâm bất tương ưng thuộc về hành uẩn.

Theo luận này lại có các loại pháp như thế thuộc tâm bất tương ưng cùng phá tăng đồng lui sụt lại không có pháp riêng, tức là phi đặc, nên biết phá tăng là tánh không hòa hợp, tức là đồng dục, đồng nhãn phi đặc, không phân biệt thể tánh. Luận chép: Hỏi đâu có thành Vô Gián, đã là vô ký thì đâu có thành tội Vô Gián? Đáp phá tăng như thế cho đến là quả Vô Gián, như vậy vô phú vô ký phá tăng do nói dối sinh ra, nói dối là tội Vô Gián, do phá tăng, phá tăng là tánh bất hòa hợp, là quả nói dối Vô Gián, quả tuy vô ký, nhân là bất thiện nên thành ra Vô Gián, chẳng phải người năng phá tăng chúng cho đến chúng phá tăng sở thành, là nói thành người phá tăng, phá tăng là sở phá tăng thành.

2. Năng thành tội Vô gián:

Luận chép: Đây là người năng phá, làm sao thành tựu, một bài tụng dưới đây là thứ hai nói năng thành tội Vô Gián, luận chép cho đến nghiệp biểu vô biểu của lời nói, đây là giải thích thể năng phá. Trước hỏi người năng phá này làm sao thành tựu? Đáp người năng phá này thành tội phá tăng, lời nói luống dối làm tánh, là lời luống dối trong mười nghiệp đạo, dù phá tăng câu sinh biểu, vô biểu nghiệp của lời nói. Đây là nói lúc thành. luận chép: Ở đây chắc chẳng lẽ vô gián cho đến không hẳn đọa vào Vô Gián, là trả lời câu hỏi thứ hai, thứ ba. Quả Phá tăng thuần thực ở đâu, vào lúc nào? Đáp: Trong đại địa ngục Vô Gián, là đáp về nơi chốn trải qua một trung kiếp, là đáp về thời gian, nói các nghịch xứ không chắc chắn, Luận Chánh Lý chép: Nhưng ở đây không trải qua một đại kiếp, vì cõi Dục không có tuổi thọ này, thời gian một trung kiếp cũng không đầy đủ. Kinh nói ở cõi Thiên Thọ người thọ bốn muôn tuổi, trong đó người đời sau chứng độc giác, Bồ-đề nhưng không trái tuổi thọ một là kiếp, trong phần nhỏ của một kiếp gọi là kiếp, hiện có một phần cũng đặt tên toàn bộ. Như nói hôm nay tôi bị chướng ngại, hoặc nói như bọn cướp thiêu đốt thôn xóm, luận chép: Hoặc gây ra nhiều tội nghịch đồng chiêu cảm một đời.

Hỏi: Năm tội nghịch đều là đời sau chịu, tại sao cùng lúc thọ năm

quả? Đáp tùy tội kia tăng khổ nặng gấp năm lần. Luận Chánh Lý chép: Nếu gây ra nhiều tội nghịch, ban đầu đã chịu đọa vào ngục Vô Gián, còn lại lẽ ra không có quả, không có lỗi vô quả. Người gây ra nhiều tội nghịch chỉ có một năng dẫn, còn lại là trợ mãn, hễ tội kia tăng bao nhiêu thì khổ lại thêm dữ dội bấy nhiêu, nghĩa là do nhiều tội nghịch cảm nhận thận nhè nhàng trong địa ngục, nhiều khí cụ khổ cực mạnh, chịu khổ nặng gấp hai, ba, bốn, năm lần, hoặc không có chết yếu giữa chừng thời gian chịu khổ lâu dài, vì sao nói ngoài ra không có quả? Nay xét thấy nhân quả dị thực có cả ba đời, do vậy biết nhân quả tánh định thuộc nhau. Thể của năm quả nghịch đều khác nhau khác nhau, hoặc chiêu cảm sắc thân các căn đồng thời đều tăng thượng bình đẳng, nay nhận lấy quả thân lớn mềm mại, sinh thời gian chịu khổ tăng dài khởi nối tiếp nhau trải qua một kiếp. Hoặc theo luận Thành Thật nếu chịu khổ một kiếp, cho đến hoặc gây ra năm tội nghịch đồng chịu năm kiếp, còn bốn kiếp sau từ ban đầu là tên sinh báo, thường đồng với Kinh bộ một nghiệp chiêu cảm nhiều thân, nhiều nghiệp chiêu cảm một thân. Hoặc theo Chánh Lượng Bộ nếu gây ra cho đến năm tội nghịch chịu khổ năm kiếp, trong đó ban đầu là sinh báo, bốn kiếp sau là hậu báo, mỗi kiếp đều cảm khác nhau.

Hoặc y theo Đại thừa, Luận đối Pháp quyển tám chép: Hỏi nếu gây ra nhiều nghiệp Vô Gián đọa vào ngục Vô Gián làm sao thọ được dị thực kia? Đáp trong một đời thuận thọ tất cả quả dị thực không có lỗi lầm, vì sao. Vì nếu gây ra nhiều tội Vô Gián thì cảm thân hình rất mềm mại, tất cả khổ cụ rất nhiều mạnh mẽ, do đây thuận thọ nhiều thứ đại khổ. Văn phẩm hạ chép trong nghiệp này từ vị sơ thực, gọi là thuận hiện pháp thọ v.v... không chỉ thọ một vị dị thực này, cho đến hoặc nói như thế này, tức khéo thuận ha oán tâm kinh, như kinh ấy nói do nghiệp Vô Gián nên trong Na-lạc-ca thường chết sống thọ đại dị thực (theo văn luận này giống Kinh bộ, Chánh Lượng bộ nói Đại thừa cũng chấp nhận một nghiệp dẫn nhiều đời, nhiều nghiệp dẫn một đời).

3. Hỏi đáp về hai giải thích:

Hỏi theo Đối pháp này trước sau trái nhau phải không? Đáp có hai giải thích, giải thích thứ nhất trước tùy chuyển lý môn này nói đồng với tướng Hữu Bộ, sau y Đại thừa, hoặc không như vậy, trước nói một đời do chịu khổ nhiều gấp bội, vì sao ở sau nói trải qua nhiều kiếp. Cách giải thích thứ hai theo luận này nếu gây ra nhiều tội nghịch trong nhiều kiếp chịu khổ nhiều gấp bội, do giúp nhau thành đại khổ, chẳng phải chỉ chịu một đời gấp năm lần là xong. Nếu thế vì sao kinh lập thế chép:

Đức Thích-ca Như Lai kiếp Trụ thứ chín ra đời, Thiên Thọ gây ra ba tội nghịch đọa vào địa ngục, đến kiếp thứ mười thì giảm thời gian đến bốn muôn tuổi. Trong loại người đời sau chứng Độc Giác Bồ-đề, Thiên Thọ gây ra ba tội nghịch, theo Ha oán tâm kinh hợp lại chịu tội ba kiếp, vì sao không mãn một kiếp đắc Độc Giác?

Không cho rằng kinh Lập Thế đồng Hữu Bộ, do vậy Ha Oán Tâm Kinh của Tiểu thừa đồng Chánh lượng bộ, vì sao không phải kinh Tiểu thừa, cả hai văn luận trái nhau. Kinh lập thế văn nói rất rõ ràng, không thể giải thích chung, Ha Oán Tâm kinh cho phép có thể giải thích. Người trong địa ngục thường sống chết, dường như chết, sống nên gọi là sinh tử, như địa ngục đặng hoạt. Lại theo luận trí độ Thiên Thọ đọa vào địa ngục giống như đá cầu v.v... vì sao ba kiếp vào địa ngục, tông kia nên suy nghĩ. Nay xét rõ nghĩa của tông Hữu Bộ, nếu tạo các đường đời kế chắc chắn thọ nghiệp, không gây năm tội nghịch, hoặc gây các tội nghịch khác đọa vào địa ngục khác. Không gây tội phá tăng, hoặc trước gây tội phá tăng sau gây các tội nghịch đều đọa vào địa ngục A-tỳ.

4. Nói về bác bỏ:

Ai ở chỗ nào năng bác bỏ ai? Trở xuống là một bài tụng thứ ba là nói đủ duyên thành bác bỏ, Luận chép: Cho đến nói vì không có oai, là nói người năng phá. Chánh Lý quyển bốn mươi ba chép: Phải là Đại Tỳ-kheo, không thể là người tại gia, Tỳ-kheo-ni v.v... do kia y chỉ không có oai đức nên chỉ thấy hành nhân phi ái hành giả, vì ác ý lạc rất bền chắc, đối với phẩm nhiệm tịnh đều tháo động, luận Bà-sa quyển một trăm mười sáu đại ý cũng đồng, luận chép: Phải là dị xứ phá cho đến đối hẳn không có công năng, là nói phá xứ dị xứ đó là Yết-xà-thi lợi-sa, dịch là núi Tượng Đầu sơn, vì đỉnh núi giống như đầu voi, cách núi linh thứu về phía Bắc khoảng ba, bốn dặm. đồng một giới ở trong Thiên Thọ ở đó mà phá tăng, chẳng đối đại sư. Luận chép: Cho đến nói Xưa dịch núi Già-da là sai, do âm thanh giữa Yết-xà và Già-da gần nhau nên truyền lầm như vậy.

Nhưng phương Tây phân biệt có núi Già-da cách ngọn Linh Thứu hơn một trăm năm mươi dặm chẳng đồng một giới, chẳng phải chỗ phá tăng. Luận chép: Chỉ phá dị sinh nói kẻ ngu, là nói phá tăng, Chánh Lý chỉ phá dị sinh chẳng phá bậc Thánh, người khác không thể dẫn đắc chứng tịnh. Có thuyết nói đắc nhẫn cũng không thể phá, do quyết định nhẫn đều do Phật nói. Luận chép: Chủ yếu phá tăng cho đến đúng thời gian như thế, là nói đúng lúc phá, đồng nhận chịu lời Phật dạy gọi là hòa hợp. Nhẫn có khác Phật và khác lời Phật dạy gọi là phá tăng, đúng

lúc nhân là thời gian phá tăng, cũng là lúc kiết tội phá tăng kia.

Luận Bà-sa quyển một trăm mười sáu chép: Chừng hạn nào sẽ nói phá pháp luân tăng, có nhiều giải thích: Như Thị Thuyết Giả cho rằng: Nếu do ý lạc thệ thọ Sư khác, nghĩa là các chúng Tỳ-kheo ngu si kia, do định ý lạc phát tâm như thế, nói rằng: ĐỀ-bà-đạt-đa là Đại sư của ta, chứ chẳng phải Phật Thế Tôn, đồng lúc này nói pháp luân tăng hoại. Luận chép: Đêm nay phải hòa không trải qua đêm, là nói phá rồi trải qua thời gian bao lâu. Theo Sư Chân-đế nói lúc mặt trời sắp lặn là phá, đến ban đêm canh ba trở lại hòa hợp, cho nên nói đêm này phải hòa hợp, không để cách đêm. Như thế gọi là cho đến hoại tăng hòa hợp, là tổng kết văn trên.

Luận Chánh Lý cho rằng do lúc tăng hoại tà đạo chuyển, Thánh đạo bị ngăn tạm thời không chuyển. Nói tà đạo: ĐỀ-bà-đạt-đa đối nói năm việc là đạo xuất ly: Một. không nên nhận dùng sữa. Hai. không ăn thịt. Ba. không ăn muối, bốn. được vải không cắt y phục. Năm. Nên ở chùa gần bên xóm làng. Nếu chúng chấp nhận lúc nói đó gọi là phá pháp luân cũng gọi là phá tăng. Luận Bà-sa quyển một trăm mười sáu, hỏi thế nào là năm pháp? Một. trọn đời mặc y phấn tảo; hai. trọn đời thường đi khát thực; ba. trọn đời chỉ ăn ngọ; bốn. trọn đời thường ở gò mả; năm là trọn đời không ăn tất cả cá thịt vị muối bơ sữa khác với luận Chánh Lý, cũng có thể tương tự.

5. Nói về xứ mà người:

Luận chép: Châu nào có mấy người? Dưới đây một hàng tụng là thứ tư nói về phá xứ và mấy người phá, luận chép cho đến quá đây không chừng hạn: Là nói xứ và số người, cho nên ít nhất cũng phải chín vị, bốn vị thành chúng, hai chúng tà chánh hợp lại có tám vị một người là Phật nên có chín người. Các châu khác không có Phật đâu được nói ta là Phật, người không tin, trong bài tụng nói chữ “Đẳng” là phải hơn chín người, số ấy vô hạn luận chép: Chỉ phá Yết-ma nên cũng nói v.v... là nói phá Yết-ma tăng? Chánh Lý chép: Vào thời phần nào có phá tăng, phá Yết-ma tăng, từ sau khi kiết giới đến nay cũng có, đến lúc pháp chưa diệt, phá pháp luân tăng trừ sáu thời phần, luận Bà-sa chép: Hỏi lúc phá tăng Phật có ở trong chúng hay không? Đáp: Lúc Phật ở trong giới kia mà không ở trong chúng, vì sao biết được? Từng nghe ĐỀ-bà-đạt-đa lúc muốn phá tăng, Phật dùng lòng tư bi thương xót quả trách rằng: “Này ĐỀ-bà-đạt-đa! Ông chứ phá tăng, chứ khởi nghiệp ác bất thiện cực trọng, đừng hưởng về chỗ có quả khổ lớn chẳng đáng ư. Mặc dù Phật thương xót quả trách như thế, nhưng ông vẫn vẫn không

bỏ tâm ác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khởi chánh trí kiến quán sát kỹ đời trước, ta thuở xưa phá quyến thuộc của ông, liền tự quán thấy thuở xưa vô lượng vô số kiếp trước, ta có phá hoại quyến thuộc của vị tiên. Nghiệp dị thực kia nay hiện ra trước, quán thấy như thế rồi biết tăng chúng này chắc chắn bị chia rẽ, bèn vào tịnh thất im lặng tĩnh tọa, Đề-bà-đạt-đã bèn phá hoại tăng. Cho nên biết Đức Thế Tôn ở trong giới mà không ở trong chúng. Luận Bà-sa quyển một trăm mười sáu hỏi phá Yết-ma tăng, phá pháp luân tăng có gì khác nhau? Đáp phá Yết-ma nghĩa là trong một giới có hai bộ tăng, đều ở riêng làm Yết-ma bố-sài-tha thuyết giới. Phá pháp luân nghĩa là lập sư khác, đạo khác, như Đề-bà-đạt-đã nói ta là Đại sư chẳng phải Sa-môn. Kiều-Đáp-ma, năm pháp là Đạo chẳng phải tám chi Thánh đạo do Kiều-Đáp-ma nói.

6. Không có thời gian phá pháp luân tăng:

Ở thời phần nào? Dưới đây một bài tụng là thứ năm nói không có thời gian phá pháp luân tăng. Luận chéo cho đến Không phá pháp luân, là nói sáu vị không phá pháp luân tăng. Luận: Bà-sa chép: Chẳng phải sơ hậu, do hai thời này các chúng Tỳ-kheo ở trong Thánh giáo hòa hợp một vị, không thể phá hoại, chẳng phải đối với hai mực nước chưa vỡ, nghĩa là lúc trong Thánh giáo chưa sinh hai thứ chấp pháp giới kiến. Chẳng lúc chưa hòa hợp kết giới, phải trong một giới có hai bộ tăng ở riêng dị hẳn mới gọi là phá tăng, chẳng phải chưa kiến lập đệ nhất song, nghĩa là chưa thành lập hai thời thứ nhất, quyết định không có người năng phá pháp luân. Chư Phật pháp nhĩ đều có một cặp đệ tử hiền Thánh. Nếu có trường hợp phá hoại pháp luân tăng rồi không để qua đầu đêm, đây là bậc nhất trở lại làm cho hòa hợp, chẳng phải sau khi Đại sư Niết-bàn hoặc sau khi Đại sư nhập Niết-bàn, nói như thế này: Ta là Đại sư, chẳng phải Như Lai, đều cùng trách rằng. Lúc “Đại sư, tại thế sao ông không nói ta là Đại sư, nay sau khi ngài Niết-bàn mới nói như vậy. Thế nên chắc chắn trong sáu thời này pháp luân không hoại, còn các thời khác pháp có thể hoại, chẳng phải phá pháp luân vì có việc này, là nói phá tăng do nghiệp.

Luận Chánh Lý chép: Ở kiếp Hiền này thời Phật Ca-diếp-ba, Đức Thích-ca Mâu-ni từng phá chúng của Ngài. Nên luận Bà-sa nói tự quán thấy thuở xưa từ vô lượng vô số kiếp trước ta phá hoại quyến thuộc của vị tiên. Hỏi vì sao hai thuyết khác nhau? Đáp có hai việc hai luận đều dẫn một luận chứng, lại giải thích Bà-sa: kiếp nhật nguyệt nên nói vô lượng vô số kiếp nói về nghịch duyên. Luận chép: Lại dứt nói phụ, dưới

đây, một hàng rưỡi tụng là thứ ba của đại văn nói về nghịch duyên. cho nên thành tội nghịch, là giải thích thành nghịch duyên, cha mẹ là ruộng ân, còn ba thứ là ruộng đức. Thân là đức nương nên hoại thành nghịch, Luận Chánh Lý thì hoặc có cha mẹ con lúc mới sinh bị giết bỏ làm môi cho lan sói ở ngoài đường, hoặc con ở trong thai, tìm cách muốn giết, do năng lực của định nghiệp nên đứa con không chết, kia có ân gì bỏ thì thành nghịch, họ chắc chắn do có sự hãi không sống được, với con việc cần gấp hữu tình tâm muốn giết. Nhưng lúc bỏ con chắc chắn trong lòng xót xa thường thường duyên vào sự luyến ái con tâm ràng buộc, hoặc bỏ ân này tội nghịch gây ra xúc, vì nói tội nghịch có thương, trung, hạ, cho nên nói bỏ ân đều thành tội nghịch, hoặc do cha mẹ đồng đẳng điền pháp khí.

7. *Nói về tội Vô gián:*

Giả sử kia không có ân chỉ hại mạng kia thì phải đọa vào địa ngục Vô Gián, các người thông minh nói rằng: Đức Thế Tôn với pháp liễu đạt cội nguồn nên nói như thế, chỉ nên tin sâu. Cha mẹ chuyển hình, giết có thành tội nghịch chăng? Là hỏi. Luận chép: Tội nghịch cũng thành, cho đến đó là mẹ chuyển hình là nói cha mẹ chuyển căn, giết cũng thành nghịch, vì y chỉ một, nhưng cha mẹ chuyển thành súc sinh giết không phạm tội nghịch, luận chép: Nếu có người cho đến có thể trưởng thành là nói từ sinh vốn thành nghịch. Luận Chánh Lý hại người nuôi dưỡng kia thành đồng loại Vô Gián. Luận chép: Nếu đối với cha mẹ cho đến là người khác mà giết, ý nói lầm thì không thành tội nghịch. Trong Bà-sa chép: Bảo cha mẹ lúc đi mà giết, hoặc cha mẹ lúc ngồi mà giết thì không thành tội nghịch. Như thế v.v... chỉ nêu bốn tâm khác nhau, đều không thành nghịch, luận chép: Nếu một gia hạnh cho đến thế lực mạnh mẽ, là nói hai cảnh đồng xứ, khởi một gia hạnh, giết hai thứ, biểu chỉ theo mạnh, vô biểu thì đủ cả hai.

Luận chép: Tôn-giả Diệu Âm cho đến cực vi thành, ý Luận sư này nói biểu cũng có hai: Theo Luận Chánh Lý nay xem ý kia biểu có nhiều cực vi, có thù gồm tội nghịch, có thuộc tội khác. Hoặc hại A-la-hán cũng thành tội nghịch không có tâm phân biệt, chắc chắn khởi ý sát không có tâm phân biệt, đây là A-la-hán thì ta không giết. Luận Chánh Lý có khi đối với A-la-hán mà không nghĩ là A-la-hán, cũng không quyết định cho đây chẳng phải A-la-hán không phân biệt nên hại thành tội nghịch. Chẳng phải đối với cha mẹ hoàn toàn đồng với luận này. Vì dễ hay biết, mà người không biết tuy làm việc sát hại, tâm không bỏ ân, bậc A-la-hán không phân biệt nêu tướng, đã nạn thức là đúng

cũng nạn tri là sai, cho nên tâm kiêu mạn giết cũng thành Vô Gián. Đây lẽ ra thành hạ, cảnh thù thắng chẳng phải hoàn toàn không thành tội nghịch.

8. Giải thích nương một duyên khác:

Luận chép: Hoặc có người hại cha cho đến y chỉ một, là giải thích nương một duyên khác, đối với một thân tuy có ruộng ân, ruộng đức, nhưng thân y chỉ là một nên thành một tội nghịch, lẽ ra nói trọng nghịch. Luận chép: Nếu vậy dụ thuyết cho đến cho là hai cha giết A-la-hán, là dẫn kinh thí dụ để vắn hỏi. Phật tại thế ở phía Nam Ấn-độ có một vị vua giáo phó đất nước cho Thái tử Thỉ Khiếm Trì, đến Thất-La-Phiệt xin quy y Phật, xuất gia đắc quả A-la-hán. Thái tử là người vô đạo chuyên làm việc phi pháp bạo loạn bá tánh, có vị cựu lão thần đến chỗ nhà vua trình bày những việc như trên, xin vua trở về nước, chỉ dạy Thái tử. Nhà vua chấp nhận, bèn xin Phật trở về bốn quốc. Nịnh thần sợ bị Thái tử tru di bèn tâu nịnh Thái tử: “Đức vua nay muốn trở về chiếm đoạt ngôi vị Thái tử, xin Ngài sai sứ ra chặn đường giết nhà vua, Thái tử nghe theo lời nịnh thần bèn sai sứ giết cha.

Nhà vua biết nghiệp nhân duyên ứng hợp giết con nay cam tâm chịu chết. Đức Phật biết việc này bèn sai đệ tử báo cho thái tử Thỉ Khiếm Trì rằng: “Ông đã tạo hai tội nghịch là hại cha và giết A-la-hán” Thỉ Khiếm Trì Hán dịch là Đảnh Kế.

Luận chép: Kia nói một nghịch cho đến quả trách tội kia, luận chép: Hoặc ở chỗ Phật cho đến Vô Gián thì không có, là nói có tâm giết làm chảy máu mới thành tội nghịch, luận Chánh Lý chép đánh đập chảy máu, Vô Gián thì không, không có tâm quyết định hoại ruộng phước. Luận Bà-sa phân biệt bốn trường hợp. Có khi chảy máu không thành tội nghịch đó là do tâm đánh Phật chảy máu có khi không chảy máu mà thành tội nghịch, nghĩa là do đánh giết Phật khiến cho chỗ chảy máu chia thành hai phần mà không chảy ra da. Hoặc câu cú, như có tâm giết muốn làm thân Phật chảy máu, hoặc cố khi đều chẳng phải, trừ trường hợp trên. Luận chép: Hoặc lúc sát gia hạnh, cho đến không sát gia hạnh, là nói lúc gia hạnh chẳng phải A-la-hán thì không phạm tội nghịch.

9. Nói về gia hạnh bất định:

Hoặc tạo Vô Gián gia hạnh mà không thể chuyển, trở xuống là nửa hàng tụng, là thứ tư nói về gia hạnh chắc chắn không lìa nhiễm vì chắc chắn trái với luận kia. Hoặc gây ra nghịch gia hạnh chắc chắn thành, trung gian quyết định không lìa nhiễm đắc quả, chắc chắn sinh đọa ngục, ngoài ra gia hạnh trung gian như sát... hoặc Thánh đạo sinh,

nghiệp đạo không khởi, vì chuyển tác thành bậc Thánh nối tiếp chắc chắn không hợp thành nghiệp sát v.v... Y theo vào đây hoặc có khi mạng kia tuy dứt mà nghiệp đạo không thành, hoặc do đạo lực làm cho tánh mạng không dứt. Luận Chánh Lý quyển bốn mươi ba chép: Nhưng tông ta Vô Gian gia hạnh nói chung có hai đó là gần và xa, trong đó gần không thể chuyển, luận này dựa vào đó mà đặt lời hỏi Đáp. Nghĩa là có khi đối với mẹ khởi tâm hại gia hạnh, vừa đánh không ngừng nhưng mạng căn của mẹ chưa dứt, hoặc mẹ có sức mạnh, ngược lại làm hại đứa con đó, hoặc bị vua bắt trói mà giết... hoặc con tuổi thọ hết tự chết luận này y đây nói như thế.

Vừa có tâm chưa hại sinh sát sinh chưa diệt, nghiệp này dị thực chắc chắn đọa vào địa ngục? Đáp có, như gây ra nghiệp Vô Gian gia hạnh vị mà qua đời.

Trong đây, xa là vẫn chưa cho đến không thể chuyển vị, có thể chuyển, hoặc không như vậy. Đức Thế Tôn lẽ ra nói Vô Gian gia hạnh cũng là tội Vô Gian, thí dụ năm nghiệp Vô Gian còn có thể chuyển huống chi gia hạnh kia, cho đến nói rộng. Đối với các hành vi ác ác trong nghiệp Vô Gian, dưới đây là một bài tụng là thứ năm nói về tội trọng đại quả.

10. Nói về phá tăng:

a. Nói về pháp phi pháp:

Luận chép cho đến. Vì chương thế sinh thiên đạo giải thoát, là nói phá tăng tội lớn, nói pháp phi pháp: Thiên Thọ biết Phật là Nhất thiết trí, tám chánh đạo là chân thật, tự tánh mình chẳng phải nhất thiết trí, năm pháp là luống dối, điên đảo hiển bày dối gạt kẻ ngu kia, hiển bày các chân là vọng, chỉ cái vọng là chân... Trong Vô Gian này là tội lớn nhất một là do làm tổn thương hủy hoại pháp thân Phật, hai là do chương thế sinh thiên, vì đạo giải thoát nêu ra lý do đại tội.

Luận Chánh Lý chép: Tăng đã phá cho đến chưa hòa hợp, sức lực có thể ngăn cản các dị sinh v.v... chưa nhập chánh định làm cho không nhập được, hoặc đã nhập chánh định làm cho không đắc các quả. Hoặc đã đắc các quả thì khiến cho không lìa nhiễm được, hoặc đã được lìa nhiễm làm cho không chứng lậu tận, tu định, ôn tụng nghiệp tư dứt v.v... cho rằng tăng đã phá cho đến tội rất nặng, giải thích là nhân tội rất lớn, luận chép: Vì các tội Vô Gian cho đến ân v.v... ít, là nói các tội nghịch nặng nhẹ theo thứ lớp, thứ năm là làm thân Phật chảy máu, thứ ba là giết A-la-hán, thứ nhất giết mẹ, giết cha, ân v.v... ít, là giải thích lý do dần dần nhẹ.

b. Nói về ngữ nghiệp phá tăng:

Luận chép: Nếu vậy nói sao cho đến tà kiến lớn nhất, là nạn, hoặc phá tăng tội lớn, là ngữ nghiệp phá tăng. Vì sao thân, ngữ, ý chữi mắng đọa vào địa ngục gọi là ba hình phạt, trong kinh nói ý là nặng nhất, không nói ngữ nghiệp? Đáp: Y theo năm tội Vô Gian cho đến nói tà kiến nặng nhất, đáp xét về nghĩa thì khác nhau nhau, không trái nhau. Hoặc y theo đại quả, cho đến kế là nói nặng, là giải thích thứ hai, y theo chiêu cảm đại quả phá tăng là nặng, xét vị tiên ý tức giận hại nhiều hữu tình thì ý nghiệp nặng, y theo năng dứt gốc lành thì tà kiến là nặng. Luận chiêu cảm thứ nhất có cho đến thuyết thế thiện nói, đại quả trong thiện có hai một là thiện thế gian hai là thiện. Thế thiện cảm đệ nhất có tư, ra đời thiện là định Kim cương dụ tương ứng tư.

Luận chép: Vì chỉ có tội Vô Gian chắc chắn đọa địa ngục, trở xuống là một bài tụng rười là thứ sáu nói đồng loại Vô Gian, luận chép cho đến năm tội nghịch đồng loại, Luận Chánh Lý nói đồng loại là nghĩa tương tự, này xét thấy tương tự là đặc tội tương tự, nghĩa là năm tội đồng loại này mắc tội giống như tội nặng nhẹ tương tự gọi là đồng loại, như kế cùng năm Vô Gian đồng loại, chiếm đoạt duyên hòa hợp tăng đó là đoạt tư cụ của tăng. Luận chép: Có nghiệp dị thực trong ba thời, trở xuống nửa bài tụng là thứ năm của Đại văn, nói về ba thời cực chướng, luận chép cho đến đều cùng tội là chướng, là nói chướng thứ nhất. Luận chép: Hoặc có khi sắp đặc cho đến hiện pháp thọ nghiệp, là nói chướng thứ hai, ba nghiệp đường ác ở trước chỉ là sinh hậu, chắc chắn không nói thuận hiện pháp thọ trong đây có cả hai tánh nghiệp, trừ thuận hiện pháp thọ, đặc quả Bất Hoàn, vì không vượt qua hiện quả. Hoặc có người sắp đặc cho đến hai dụ như trước, là nói chướng thứ ba, trừ thuận hiện thọ, như trước giải thích.

11. Nói về nghiệp của Bồ tát:

Luận chép: Như trên đã nói Bồ-tát trụ định, trở xuống thứ sáu của đại văn nói về nghiệp của Bồ-tát, trong đó có bốn: Một là trụ định vị, hai là tu tướng nghiệp, ba là cúng dường Phật, bốn là sáu độ đầy đủ. Một bài tụng này thứ nhất là nói về vị trụ định, Đặt tên trụ định, đây nói thời gian trăm kiếp tu tướng báo nghiệp gọi là Trụ định, Trụ định có sáu: Định sinh đường thiện, định sinh nhà giàu sang, định đầy đủ căn. Định làm thân nam, định nhờ túc mạng và định thường không lui sụt. Luận chép: Do từ thời gian này cho đến sinh nhà Đại Bà-la-môn, là giải thích hai định trước, Bà-la-môn Hán dịch là hào tộc, sinh vào nhà giàu sanh cho đến có thọ thân phiến-đệ v.v... là giải thích định thứ ba thứ tư.

Luận chép: Đời đời thường có công năng cho đến thường không lui sụt, giải thích hai định sau. Từ đây về sau tự tánh hằng biết, chẳng phải thời gian trước hoàn toàn không biết. Luận chép: Nghĩa là Bồ-tát đối với lợi lạc cho đến gọi Bồ-tát kia: Là giải thích lại không lui sụt.

Khổ có hai thứ: Một là tự hành khổ, hai là tha não khổ, đối với hai khổ này đều có thể chịu đựng, trong đó làm việc lợi lạc cho hữu tình, bị các khổ ép ngặt thân đều có thể chịu đựng, có cả hai thứ khổ. Tuy người khác có nhiều thứ ép ngặt Bồ-tát, lại giải thích nhân bị người làm khổ nhưng tâm không lui sụt. Luận chép: Do Đãi sĩ kia cho đến đều có chỗ gánh vác, là giải thích lý do bị vì người làm hành vi ác trái nghịch không lui sụt, do không lui sụt cho nên trong bài tụng gọi là bền chắc. Luận Chánh Lý há không phải chưa tu nghiệp vị diệu tướng tâm Bồ-đề không lui sụt, nên đặt tên trụ định, vì sao phải tu giai vị nghiệp diệu tướng. Bồ-tát mới được gọi là vị trụ Định, lúc ấy trời người cùng biết. Trước kia chỉ có các vị trời biết, hoặc lúc đó hưởng đến định Đăng Giác, trước chỉ có Đăng giác quyết định chẳng phải loại khác.

12. Nói về tu nghiệp diệu tướng:

Giải thích rằng lúc trước chỉ có quyết định hưởng đến Đăng giác, chẳng phải có sáu định khác. Luận chép: Tu diệu tướng nghiệp tướng ấy thế nào? Trở xuống một bài tụng là thứ hai nói về nghiệp tu diệu tướng, luận chép cho đến vì rất minh lợi, trong đó gồm có sáu môn: Tu xứ, y thân, đối cảnh, minh tuệ, thời và số, ở đây là thứ nhất nói về xứ. Luận chép: Chỉ là người nam cho đến nữ v.v... vị là nói về y thân. Chánh Lý chép: Nghiệp tướng thù diệu phải nương vào tịnh thân mới có thể dẫn khởi, luận chép: Chỉ hiện đối Phật cho đến chẳng phải loại văn, tu, là nói cảnh và tuệ, về tu tướng Phật cho nên đối Phật mới thành. Vì thù thắng nên chẳng phải văn, và sinh đặc tuệ, tán nên chẳng phải tu, luận chép: Chỉ hơn trăm kiếp cho đến các pháp nên như thế, là nói thời gian tu, pháp nên như vậy giảm thì không đủ, nhiều thì không dùng, luận chép: Chỉ có Bạc già phạm cho đến thành tựu nghiệp tướng mâu nhiệm, là nói nay Phật do tinh tấn nên vượt qua chín kiếp, luận chép: Do vậy Như Lai cho đến chỉ nói chín mươi một kiếp, là dẫn kinh chứng minh vượt qua chín kiếp, luận chép: Các cựu sư nói cho đến như trước đã nói, là nếu thuyết khác của Kinh bộ.

Bốn lỗi là đường ác, nhà nghèo, nghiệp thô, vào thân nữ thiếu chi. Hai công đức đó là nhớ lại đời trước và nay được không lui sụt mỗi tướng mâu có trăm phước trang nghiêm, số phước tướng luận chánh lý chép: Trong đây trăm tư gọi là trăm phước, nghĩa là sẽ tạo

các tướng nghiệp mầu lúc trước khởi năm mươi tự tịnh trị thân khí. Kế đến mới khởi dẫn một tướng nghiệp, sau lại khởi năm mươi thiện tư, trang nghiêm dẫn nghiệp, làm cho được tròn đầy. Năm mươi tư là y theo mười nghiệp đạo mỗi nghiệp đạo, đều khởi năm tư, vả lại y tối sơ lià sát đạo có năm tư một là lià sát tư, hai là khuyến đạo tư, ba là tán mỹ tư, bốn là tùy hư tư, năm là hồi hương tư. Nghĩa là hồi những gì đã tu hướng về giải thoát, cho đến chánh kiến đều có năm cũng như vậy.

13. Ý của Luận sư khác:

Có Luận sư khác nói y theo mười nghiệp đạo đều khởi năm phẩm thiện tư hạ đẳng, trước sau đều như thế, như huân tập định. Lại có Luận sư khác nói y theo mười nghiệp đạo đều khởi năm tư đó là gia hạnh tịnh, căn bản tịnh, hậu khởi tịnh, phi tầm hại và niệm nhiếp thọ. Có Luận sư nói: Mỗi tướng nghiệp đều là duyên Phật, chưa hề tập tư, đủ một trăm hiện tiền làm trang sức. Luận chép: Thế nào gọi là mỗi phước lượng, là hỏi? Đáp có thuyết nói chỉ trừ gần Phật Bồ-tát cho đến chỉ có Phật mới biết, có ba cách trả lời vẫn có thể hiểu. Luận Chánh Lý chép: Trăm phước, mỗi lượng phước thế nào? Có thuyết cho rằng nương y ba vô số kiếp thêm lớn công đức nhóm họp thành thân, phát khởi vô số vô lượng phước đức cao quý như vậy, chỉ có Phật mới biết, đồng với giải thích sau của luận này.

Có thuyết nói hoặc do năng lực tăng thượng của nghiệp được làm Đế-thích, vua hai tầng trời cõi Dục tự tại mà chuyển, là một phước lượng ngoài ra đồng với luận này. Luận Bà-sa quyển một trăm bảy mươi bảy lời bình đã nói như thế đều là thuần tinh ý lạc phương tiện. Khen ngợi phước lượng của Bồ-tát, nhưng đều chưa đắc thật thể kia, theo nghĩa như thật thì Bồ-tát phát khởi từng thứ phước lượng vô lượng vô biên. Do Bồ-tát trong ba vô số kiếp chứa nhóm tròn đầy các Ba-la-mật-đa, dẫn sinh tư nguyện rộng lớn, chỉ có Phật mới biết được, ngoài ra không ai sánh bằng, luận chép: Nay đại sư ta trở xuống một bài tụng là thứ ba nói về số cúng Phật, trong đó có hai: Cúng dường Phật và gặp danh hiệu Phật. Đây là phần đầu, luận chép cho đến. Bảy muôn bảy bảy ngàn vị Phật, là giải thích ba kiếp cúng dường số lượng khác nhau. Ba vô số kiếp là thứ hai nói về gặp danh hiệu Phật, luận chép cho đến danh hiệu bảo kế là nói ngược ba vô số kiếp rồi sau gặp danh hiệu Phật.

Luận chép: Đầu tiên phát tâm cho đến mỗi loại đồng với luận kia, Phật đầu tiên trong ba vô số kiếp, Luận Chánh Lý chép: Vô số kiếp đầu tiên gặp Đức Phật Thích-ca, cho đến Thế-tôn. Làm con của người thợ

gồm, đối với vị Phật đó khởi định tâm ân cần, thoa ướp dầu thơm, tắm bằng nước thơm, thiết trái cúng dường rồi phát thệ nguyện lớn, nguyện cho con sẽ thành Phật đồng với Đức Thế Tôn này, chánh pháp lại được ngàn năm. Gặp Đức Phật Thích-ca sẽ gieo giống Đại thừa giải thoát phần thiện. Phật diệt độ đến nay có nhiều thuyết không giống nhau, phần lớn là một ngàn năm trăm năm trở lên, có nói rộng trong chương riêng.

14. Nói về thời gian Bồ tát tu sáu độ:

Luận chép: Bồ-tát Thích-ca của ta ở giai vị nào? Trở xuống hai hàng tụng sau là thứ tư nói về thời gian Bồ-tát tu sáu độ tròn đầy khác nhau, luận chép cho đến thí tu tập viên mãn, trong đây tròn đầy có bốn tiết, tiết thứ nhất là thí tròn đầy, hoặc thời gian Bồ-tát tu giới nhẫn tròn đầy là tiết thứ hai. Luận Chánh Lý thì nhẫn tròn đầy là đối với hữu tịnh tâm không giận, giới tròn đầy là không khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp hại người, tâm không tức giận nên thân ngữ không ác. Do đó lúc không giận thì giới nhẫn tròn đầy. Luận chép: Nếu thời gian Bồ-tát cho đến tu tập tròn đầy, là thứ ba, luận Bà-sa quyển một trăm bảy mươi bảy hỏi: Tướng này là nghiệp dị thực trải qua thời gian bao lâu tu tập tròn đầy? Đáp phần nhiều trải quá một trăm đại kiếp, chỉ trừ Bồ-tát Thích-ca, do Bồ-tát Thích-ca rất tinh tấn nên vượt qua chín kiếp. Chỉ trải qua chín mươi một kiếp tu tập tròn đầy, liền đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Việc ấy thế nào? Như kế kinh nói quá khứ có Phật hiệu Đế Sa hoặc Bồ-sa.

Vị Phật đó có hai đệ tử là Bồ-tát, siêng tu phạm hạnh, một vị hiệu là Thích-ca Mâu-ni và một vị là hiệu là Từ Thị. Lúc ấy vị Phật kia quán sát hai người đệ tử xem căn cơ ai thuần thực trước, liền biết đúng như thật căn cơ của ngài Từ Thị thuần thực trước, ngài Năng Nhân tịch Mặc thuần thực sau. Lại quán sát hai vị Đại sĩ về việc giáo hóa hữu tình căn cơ ai thuần thực trước thì biết đúng như thật Phật Thích-ca việc ứng hóa căn cơ thuần thực trước. Khi biết rõ rồi, bèn suy nghĩ tại sao nay ta không làm cho cơ cảm của họ gặp gỡ nhau. Nhưng khiến cho một người mau thuần thực thì dễ, không thể làm cho nhiều người được, nghĩ đoạn bèn bảo Đức Thích-ca “Ta muốn đạo núi ông nên theo ta” Rồi Phật lấy ni-sư đàn dẫn đường đi trước, khi đã đến núi ngài vào khám thất Phệ-lưu-ly trải ni-sư-đàn ngồi kiết già, nhập định hỏa giới suốt bảy ngày đêm hưởng diệu hỷ lạc oai quang sáng rỡ. Với Thích-ca chốc lát cũng tới núi tìm Phật khắp nơi như ghé tìm mẹ, lần lược gặp cho đến gặp Phật ở trước khám thất, ngạc nhiên thấy, oai nghi trang nghiêm ánh

sáng chiếu soi của Phật chí thành vui mừng không thể đi được, bất giác quên đứng một chân, chiêm ngưỡng tôn nhan mắt không tạm rời, suốt bảy ngày đêm, dùng một bài già-đã khen ngợi Phật “trời đất cõi này, thất Đa văn, thệ cung, cõi trời mười phương vô, trượng phu ngưư vương đại sa môn, tìm đất núi rừng khắp không bằng”. Khen ngọc như thế rồi liền vượt qua chín kiếp hơn ngài Từ Thị, đắc Vô thượng giác trước.

15. *Hỏi đáp:*

Hỏi: Gần Phật, Bồ-tát chắc đối với Danh, cú, văn-thân đắc chưa từng đắc, khéo léo tự tại, lẽ ra dùng biệt tụng dị môn khen ngợi Phật vì sao suốt bảy ngày đêm, vì sao chỉ dùng một bài tụng mà khen ngợi Phật? Đáp lúc ấy Bồ-tát tư nghiệp cao quý nên không lặp lại văn tụng, hoặc đổi văn tụng thì tư nguyện không thuần. Lại nữa lúc ấy Bồ-tát sợ tán loạn, như tụng khác thì tâm cũng khác, làm sao được nhất tâm lưu chú. Lại nữa Bồ-tát hiển bày rồi tâm không mỗi một, vì có thể đối với một bài tụng lúc nào cũng khởi tư nguyện cao quý. Hỏi: Vì sao Bồ-tát Từ Thị tự căn thuần thực trước mà, việc giáo hóa thuần thực sau. Đức Thích-ca thì trái với trường hợp này? Đáp Bồ-tát Từ Thị phần nhiều tư lợi ít lợi tha, Bồ-tát Thích-ca có nhiều lợi tha, ít tự lợi, do vậy đều khác với sự giáo hóa.

Giải thích bài tán rằng: “Trời đất” là nêu chung nghĩa là cõi trời, nhân gian, cõi này nghĩa là Tam thiên Đại thiên thế giới “Đa văn” là cung trời Tỳ-sa-môn, vị này được kính tin nổi tiếng khắp mười phương nên gọi là đa văn “Thệ cung” là cung Phạm Vương do Phạm vương chấp gọi là thường, Phật vì đối trị chấp thường nên gọi là Thệ cung, thệ cung nghĩa là vô thường, lại giải thích thệ cung là nhân cung, nhân cung mau trở về sự mòn diệt, nên nói là thệ cung “Thiên xứ” là trừ Đa văn thật và Thệ cung còn lại là thiên xứ “Mười phương vô” chẳng những chỉ có tam thiên đại thiên thế giới này vô mà mười phương cũng vô, cho đến trượng phu ngưư vương đại Sa-môn. Con tìm khắp núi, rừng, đất không có ai bằng Đức Thế Tôn của con.

Lại giải thích rằng thất Đa văn là thiên trung ở cõi Dục nêu ban đầu thiên trung là một hiển bày ba tầng trời còn lại và chỉ rõ năm tầng trời ở trên tức là sáu tầng trời cõi Dục. Thệ cung trong các tầng trời cõi Sắc giới nêu một tầng trời đầu tiên đã nói hai tầng trời còn lại, chỉ rõ các vị trời ở cõi trên, thiên xứ, là các tầng trời ở cõi Vô Sắc, ngoài ra đồng với giải thích ở trước. Nếu lúc ấy Bồ-tát tu tập tròn đầy tiết thứ tư cho đến định Kim cương là quả tròn đầy, tận trí bấy giờ tướng sinh tồn tại, vì trí vô sinh đã trừ chướng. Luận Bà-sa quyển một trăm bảy mươi

tám gồm có ba thuyết, nhà phê bình thứ ba cho rằng người nói như thế đây bình đẳng sở thuyết đều y nhất thời, nhất hạnh tăng thượng gọi là tròn đầy, nghĩa đúng như thật. Lúc đắc tận trí, bốn pháp Ba-la-mật-đa này mới tròn đầy, luận này đồng với thuyết thứ hai của luận Bà-sa.

16. Nói về tu tập tròn đầy:

Lại, Luận Chánh Lý chép: Trụ định Kim cương Dụ bằng tu tập tròn đầy định tuệ Ba-la-mật-da này, đúng giai vị này không gián đoạn mới được tận trí lúc đó chính là tròn đầy. Lúc trụ định Kim cương liền đắc tận trí, lại nói vị này không xen hở mới tròn đầy, vì đắc tận trí mới tròn đầy. Xét theo ý văn luận này lẽ ra đã được tên, theo văn sao giải thích, nếu theo giải thích này thì trước nói trụ định Kim cương dụ tức là nhân vị, có thể đạt đến Ba-la-mật-đa. Giải thích sáu pháp Ba-la-mật-đa, theo Chánh Lý thì biệt năng đáo viên đức bỉ ngạn, nên sáu pháp này gọi là Ba-la-mật-đa. Theo Khế kinh nói có ba việc phước nghiệp, trở xuống là nói thí, giới và tu, trong đó có hai một là lược giai, hai là giải rộng. Một bài tụng này nói sơ lược thể tanh của ba thứ, văn dưới tự giải thích. Luận chép cho đến Phi sự phi nghiệp lược giải thích ý bài tụng, nêu mười thứ nghiệp đạo, giải thích phước nghiệp sự, trong mười nghiệp đạo cả mười đều là đạo, làm chỗ nương của tư, bảy thứ trước là nghiệp đạo là vì nghiệp tánh, là chỗ nương của tư, ba thứ sau chỉ là đạo vì là chỗ nương của tư, vì chẳng phải nghiệp tánh, trong đây phần lớn khác nhau chỉ hơi khác chút ít, thiện nên gọi là phước, có cả thân nghiệp, ngữ nghiệp, tư và pháp tương ứng. Chỗ nương của tư gọi là sự tức là chỉ thân ngữ tạo tác gọi là nghiệp. Nghĩa là thân, ngữ và tư y theo đạo lý này thân ngữ có cả ba, tư chỉ có nghiệp và phước, tư tương ứng pháp chỉ được gọi là phước.

Từ trong tu loại chỉ gọi là phước sự, gốc lành vô sân lẽ ra chỗ nương của Tư nên gọi là sự, thể là thiện nên gọi là phước, chẳng phải tự và thân ngữ tánh không gọi là nghiệp. Vả lại trong pháp thí chỉ được gọi là phước, trong bố thí nói về thể của thí kia. Dùng thân nghiệp ngữ nghiệp vô tham tương ứng và câu hữu làm thể, trong đó hai nghiệp thân, ngữ, là thiện nên gọi là phước, vì tạo tác nên gọi là nghiệp, là cửa nương của Tư nên gọi là Sự. Đẳng khởi tư kia là thiện nên gọi là Phước, vì tạo tác nên gọi là Nghiệp, chẳng phải cửa nương tựa của tư nên chẳng phải sự pháp tư câu hữu, là thiện nên gọi là Phước, chẳng tạo tác nên chẳng phải nghiệp, chẳng phải môn nương giá nên chẳng phải Sự. Giới chỉ được gọi là phước nghiệp sự, chỉ giải thích giới, giới chỉ có bảy chi làm thể, thiện nên gọi là phước chỗ nương của tư gọi là sự, không còn

có trường hợp nào khác.

Luận chép: Từ trong tu loại cho đến chỉ được gọi là phước, là giải thích từ trong tu loại, từ dùng gốc lành vô sân làm thể, vì thiện nên gọi là phước, tư tương ứng với đây, dùng vô sân và lạc làm môn chuyển nên cũng gọi là Sự, chẳng phải nghiệp tánh nên không gọi là Nghiệp, Từ chung với tư giới chỉ gọi là phước nghiệp, thiện nên gọi là phước. Tạo tác nên gọi là Nghiệp, tư tương ứng không y giới chuyển, không gọi là Sự. Ý nói ngoài ra đều là hữu pháp gọi là thọ phước, vì chẳng tạo tác, chẳng phải chỗ nương của tư.

17. Nói về thuyết khác:

Theo đây lẽ ra đều là tư trạch. Luận chép: Hoặc phước nghiệp gọi là cho đến phước gia hạnh, là nói về thuyết khác, vì thành ba khởi phước gia hạnh kia, nghĩa là thành thí giới tu, khởi thân nghiệp ngữ nghiệp gia hạnh, gọi là phước nghiệp, tức là tạo tác phước nghiệp, cũng là căn bản chẳng phải chỉ có gia hạnh. Như sát sinh khởi sát gia hạnh, đây đối với căn bản cũng gọi là gia hạnh, chẳng phải chỉ có gia hạnh ở trước. Luận chép: Có người nói cho đến vì phước nghiệp chuyển, ở đây Luận sư chỉ lấy Tư làm phước nghiệp, không lấy thân ngữ. Sư thứ hai chỉ lấy thân ngữ không lấy tư, ban đầu giải thích chung lấy tư và thân ngữ là phước nghiệp.

Luận chép: Pháp gì gọi là thí, bố thí chiêu cảm quả báo thế nào? dưới đây là thứ hai nói rộng về bố thí, trong đó có ba, là bố thí, giới tu và pháp thí. Y theo phần thứ nhất bố thí có chín, một là thú và quả, hai là bố thí có lợi ích khác nhau, ba là quả thí khác nhân thí, bốn là phước bố thí trên hết, năm là quả bố thí vô lượng, sáu là tướng của nghiệp nặng nhẹ, bảy là tạo tác thêm lớn, tám là bố thí có nhiều phước, chín là quả do nội tâm. Một hàng tụng thứ nhất này nói về quả bố thí, luận chép cho đến là thể của bố thí chân thật, đây là phân biệt với thí vật, dùng thân nghiệp ngữ nghiệp và đấng khởi tư làm thể của thí, luận chép: Hoặc do bố úy này gọi là Thí. Xét về xả thì có hai thứ: Một là vì bố úy... xả vật cho người; hai là vì cúng dường người, trước không gọi là thí vì cúng dường lợi ích cho người mới gọi là thí.

18. Nói về thể của bố thí:

Luận chép: Chữ Cù gọi là cho đến đó là lập chung lấy tên là Thí, chính là nêu thể của bố thí, nghĩa là đúng lúc bố thí hai nghiệp thân, ngữ và vô tham đều có thể cùng khởi nhóm họp chung gọi là Thí, dẫn bài tụng nên biết xét trong kệ tụng gọi Sát-na là đồng Sát-na, đó là vô tham đều có thể khởi tụ này đồng một Sát-na, thiện uẩn gọi chung là

thí, chẳng phải chỉ có thân ngữ. Luận chép: Nên biết như thế cho đến tiền của giàu có là quả nói về bố thí quả. Chữ “Đương” là quả sanh sau, “Hiện” là quả hiện pháp đúng lý đúng quả có cả nội thân và giải thoát. Luận Chánh Lý chép: Nên biết sự thí loại phước nghiệp như thế, hồi hướng giải thoát cũng đắc quả ly hệ, mà y theo cận quyết định.

Vả lại, nói hay nhận lấy quả sang giàu rất lớn, dựa vào cái gì mà gọi là sự giàu có lớn này? Vì tiền tài tốt đẹp rộng lớn không thể cướp đoạt, sừng nhọn, giải độc cũng không làm tổn thương, tuy thí mà không có quả giàu có lớn. Thí loại phước cho đến y theo đây giải thích, giải loại làm thể, như món đồ bằng lá lấy lá làm thể, nhà bằng cỏ lấy cỏ làm thể, luận chép: Vì lợi ích gì mà bố thí, trở xuống nửa bài tụng là thứ hai nói về lợi ích khác nhau của sự bố thí. Luận chép cho đến. Cung kính báo ân, là bốn trường hợp khác nhau nên biết. Luận chép: Đoạn trước đã nói bố thí nhận quả giàu sang lớn, dưới đây thứ ba nói quả thí khác nhân thí. Trước nêu chung ba nhân, sau giải thích riêng ba nhân, nửa bài tụng này nêu cả ba nhân.

19. Nói về thí chủ khác:

Do thí chủ khác nhau thế nào? Dưới đây là một hàng tụng, thứ hai là nói thí chủ khác, luận chép cho đến có khác với quả, là nói thí chủ có đức hạnh thì quả thí rất nhiều, Chánh Lý chép: Hoặc có thí chủ đối với nhân quả được lòng tin, hoặc có thí chủ đối với nhân quả trong tâm còn do dự. Hoặc có thí chủ bố thí người tùy ý muốn, hoặc có thí chủ đầy đủ Thi-la thanh tịnh, hoặc có chút thiếu sót trái ngược, hoặc hoàn toàn không có giới. Hoặc có thí chủ với pháp của Phật dạy được đầy đủ học rộng, hoặc có khi ít nghe, hoặc không nghe mà thành tuệ thí do thí chủ có đủ lòng tin, giới, văn v.v... công đức khác nhau nên gọi chủ có khác nhau. Do chú khác nhau nên bố thí thành khác nhau, do thí khác nhau nên được quả có khác, luận chép: có các thí chủ bị lửa hủy hoại, là nói bốn thứ khác nhau nên bốn quả khác nhau.

Tài thí khác nhau thế nào? Dưới đây một bài tụng là thứ hai nói về tài vật khác nhau, nên được quả khác nhau. Trong đây tài là tư sinh thân tài chẳng phải Tập Dị Môn Túc thứ mười sáu nói bảy tài. Bảy tài là: Tín, giới, tầm, quý, văn, xả và tuệ, Thánh tài giúp cho pháp thân không phải tài ở đây, năng luận chép cho đến các quả diệu sắc v.v... là lược giải thích nhân quả đối nhau. Đúng lý thì không có thính, trong đây tài thí y theo y thực v.v... nên nói bốn cảnh lược không nói về thính, vì chẳng phải dị thực. Bốn cảnh như Y v.v... thành, ba cảnh như thực v.v... được thành. Lại thính chẳng phải quả báo, vì không đối nhau, lược

không luận bàn nghĩa là thí tài đều có khác nhau, giải thích sự khác nhau. Sắc cảm nhận ưa sắc, hương cảm nhận háo danh, vị cảm các điều ái, xúc cảm tự thân, y theo một bên mà nói, đúng lý xúc cũng đặc diệu hương, xúc. Nhưng nghiệp quả khác nhau, chỉ có Phật mới biết được.

20. Nói về ruộng phước khác nhau:

Luận chép: Ruộng phước bố thí khác nhau thế nào? Nửa bài tụng dưới đây thứ ba là nói về ruộng phước khác nhau, quả bố thí có khác nhau, là giải thích chung lược. Do các đường khác nhau thọ quả gấp ngàn lần, giải thích riêng người phạm giới do đó cõi người vượt hơn gấp ngàn lần súc sinh, chẳng phải vì có đức có khổ. Luận chép: Do khổ khác nhau cho đến không thể chấp lường là giải thích riêng mà khổ khác nhau, vì khách, hành v.v... nuôi bệnh thời gian lâu chịu khổ, bố thí thì được phước nhiều. bầy hữu y là đãi khách, hành nhân, người bệnh, người săn sóc bệnh, thí vườn rừng, thường thực, tùy thời thí. Luận chép: Do khác nhau cho đến quả gấp ức lần v.v... là phân biệt giải thích ân đức khác nhau. Như cha, mẹ, gấu, nai v.v... là ân người trì giới là đức khác, như kinh Bốn Sinh chép Bồ-tát Bốn Sinh từng làm gấu trong núi sâu, bấy giờ có người vào núi đốn củi gặp tuyết rơi đỏi lạnh, gấu đi lượm các thức ăn nuôi thân mạng mà được sống còn, trời sáng đường xá thông suốt, người ấy xuống núi, thấy người thợ săn bèn chỉ chỗ gấu ở. Họ cùng đi đến giết hại chia nhau lấy thịt, lúc ấy hai tay bị chặt rớt ra.

21. Nói về bốn sinh của Bồ-tát:

Luận Bà-sa quyển một trăm mười bốn dẫn kinh chép: Bồ-tát bốn sinh từng làm nai đầu đàn, sừng trắng như tuyết, lông có chín màu. Thuở xưa có một người bị nước cuốn trôi lúc nổi lúc chìm xuống, nai đầu đàn thấy vậy bèn lội xuống cứu. Sau khi người đó sống trở về kể lại nhà vua nói nếu biết chỗ của nai đầu đàn thì sẽ được trọng thưởng, người đó chỉ chỗ và lúc sắp giết nai đầu đàn thì cả người ông ta bị cù. Nhà vua bèn hỏi lý do và sau đó vua không giết nai đầu đàn, do đó mà phát tâm, theo kinh Bốn Sinh kể.

22. Có ba thứ tối thắng:

Luận chép: Trên hết trong các thứ bố thí là gì? Trở xuống là thứ tư nửa bài kệ nói về thí trên hết. Luận chép cho đến. Trên hết có ba thứ: Một là lìa nhiễm thí lìa nhiễm, vì năng sở đều như trên đã nói; hai là Bồ-tát hành thí vì lợi lạc tất cả hữu tình, đây là do đức và ý lạc; ba là dùng tâm trang nghiêm bố thí vì được nghĩa Niết-bàn tối thượng. Luận chép: Hoặc các Bồ-tát cho đến cũng là trên hết, đây là thứ hai, luận chép: Trừ đây lại cũng có cùng tội cũng là trên hết, đây là thứ ba.

Trong tám thứ bố thí đến hành tuệ thí, nêu tám tên gọi tiện giải thích tâm trang nghiêm. Chánh Lý cho là tâm trang nghiêm dẫn phát Thánh tài như lòng tin v.v... nên thực hành tuệ thí. Tư trợ tâm là muốn dứt trừ ác phiền não bồn sển mà hành tuệ. Giúp Du-già là cầu định lạc lần lượt sinh nhân mà hành tuệ thí. Nghĩa là do bố thí nên liền được không hối hận, xoay vần cho đến tâm nhất cảnh tánh. Đắc thượng nghĩa là đắc Niết-bàn, do ban đầu xả tài, cho đến lần lượt đều có thể xả tất cả sinh tử. Lại hành tuệ thí là thắng sinh nhân, dựa vào đây có thể dẫn phát chứng pháp Niết-bàn, tùy người thí nên không giải thích riêng, bèn gạn lại lời giải thích.

23. Nói về năm hạng người:

Luận chép: Như Khế kinh nói bố thí người dự lưu hưởng, quả ấy vô lượng trở xuống là một bài kệ, thứ năm nói quả bố thí vô lượng. Luận chép cho đến. Gọi là sau cùng sinh, năm hạng người này tuy chẳng phải Thánh, nhưng cũng đồng với Thánh, được phước vô lượng. Tạp Tâm quyển tám chép: Bố thí năm hạng người này được quả báo lớn vì sao? Vì ân của cha mẹ nuôi sống thân thể ta, người bệnh không có nơi nương cậy, vì tăng lòng bi, vì người nói pháp thêm lớn pháp thân, vì chỉ bày cho người biết điều thiện ác, vì gần địa vị Phật chứa nhóm công đức rộng sâu nhiếp chúng sinh, Luận chép: Trong bốn ruộng phước pháp sư thì thuộc ruộng phước nào? Là hỏi. Luận chép: Thuộc ruộng ân, vì sao? Vì các thế gian cho đến tiện chiêu cảm vô lượng quả, là giải thích lý do. Luận chép: Muốn biết tướng của các nghiệp nặng nhẹ như thế nào? Trở xuống, một hàng tụng thứ sáu là nói do có sáu nhân nên nghiệp có nặng nhẹ. Luận chép: cho đến đúng vậy, đúng vậy! Là Giải thích sáu nhân. Hoặc có các nghiệp như thế nên suy nghĩ, là nói về tướng nặng nhẹ, hoặc có khi chỉ do hậu khởi thành nặng. Như trộm cắp Phật được rồi sau khởi tâm cúng dường liền nhẹ, được rồi đem nấu chảy tội kia thành trọng căn bản, ngoài ra lời văn rất dễ hiểu. Hoặc có sáu nhân cho đến chẳng phải nặng lắm nhẹ lắm, là nói ba kiết. Sáu thứ trên là nặng nhất, sáu thứ dưới thì nhẹ nhất, tùy thiếu nhiều ít chẳng phải cùng tột thượng hạ.

24. Nói về ba kiết:

Luận chép: Như khế kinh nói có hai thứ nghiệp, trở xuống là một bài tụng là thứ bảy nói tạo tác thêm lớn nghiệp. Do năm nhân nên nghiệp gọi là thêm lớn: Một là do suy nghĩ kỹ; hai là do tròn đầy; ba là không có đối trị; bốn là có hạn; năm là chiêu cảm quả dị thực. Luận chép, cho đến. Chẳng phải suốt nhĩ tư tác, là giải thích nhân thứ nhất,

hoặc hoàn toàn không suy nghĩ và nghĩ tư, chỉ gọi là tạo tác, không gọi là thêm lớn. Hoặc xét nghĩ tạo gọi là thêm lớn, do tròn đầy cũng gọi là thêm lớn, là giải thích nhân thứ hai. Hoặc ba hành vi ác, hoặc một nghiệp đọa đường ác, hoặc hai nghiệp đọa đường ác, hoặc ba nghiệp đọa đường ác, nếu mười nghiệp ác. Hoặc một nghiệp đọa đọa đường ác, chưa đến đọa đường ác trước đều gọi là tạo tác, không gọi thêm lớn. Hoặc đọa đường ác Vô Gián ít nhiều đều thêm lớn, do không có ác tạo tác, cho đến không có nghiệp đối trị, là nói nhân thứ ba. Luận chép: Do có bạn nên cho đến chắc chắn khác với dị thực, là nói nhân thứ tư, thứ năm, luận chép thiện ngược lại với đây nên biết, trái với trên là bất thiện, tức là thiện tạo tác thêm lớn.

25. Có năm nhân gọi là thêm lớn:

Luận chép: Khác với các nghiệp này chỉ gọi là tạo tác, hoặc có năm nhân gọi là thêm lớn, hoặc không có năm nhân chỉ gọi tạo tác. Luận chép: Như trước đã nói chưa lìa dục, trở xuống nửa bài tụng là thứ tám nói thí chế được nhiều phước, luận chép cho đến có xả loại phước, giải thích thí chế nhiều chỉ có xả loại phước. Luận chép: Kia không hưởng phước do đời nào? là hỏi. Lại do nhân gì cho đến không thọ không sinh? Là hỏi. Luận chép: Vì không thọ với người không thuộc lợi ích, là người ngoài trả lời, luận chép: Chẳng phải định chứng, lẽ ra không sinh phước, lại vặn hỏi người ngoài. Do đó nên chấp nhận cho đến như tu lòng từ v.v... nêu bài tụng tổng kết thành, nghĩa là như có một cho đến loại phước do tự tâm sinh, là giải thích lại rộng hơn. Chẳng lẽ không tổn hại đến nghiệp thí kính này, là người ngoài vặn hỏi, nếu phước đã do tự tâm sinh, hể khởi tâm cúng dường phước kia liền sinh, cần gì phải thí tài và đích thân cúng dường kính lễ, có đức đã cảm chẳng lẽ không luống uổng hay sao? Luận chép: Không đúng tâm phát nghiệp mới thù thắng, là đáp người ngoài hoặc không phát nghiệp, chỉ có tâm kính dưỡng, tâm liền yếu kém. Luận chép: Nghĩa là như có một người cho đến chẳng những khởi tâm, là nêu thí dụ. Luận chép: Đúng vậy Đại sư, chẳng cho đến chẳng phải chỉ khởi tâm là hợp pháp.

26. Nói quả do nội tâm:

Hoặc đối với ruộng đất gieo trồng nghiệp chủng bố thí: Dưới đây là nửa bài tụng là thứ chín nói quả do nội tâm, luận chép cho đến chủng quả có trái ngược, là nêu thí dụ. Mạt-độ-ca là tên loại quả hình dáng như trái táo, cây giống như cây tạo giáp, nhậm bà rất nhỏ như hạt khổ luyện. Hai thứ trái này xứ này không có, nên không dịch luận chép: Thí chủ như thế cho đến cảm quả hoàn toàn không hợp pháp do có thể làm

cho quả hoàn toàn không, chẳng phải hoàn toàn điên đảo, đây là nêu đại thể, như Giang Nam là quýt. Giang Bắc là cam cũng do ruộng, loại này hơi khác, chẳng phải hoàn toàn điên đảo. Luận chép: Nói phụ việc thí loại phước nghiệp đã xong, trở xuống là thứ hai của đại văn nói giới và tu, trong đó có ba giới, tu và quả của giới tu. Một bài tụng thứ nhất này nói về giới, luận chép cho đến chí đặt tên giá ngăn, là giải thích tánh tội, giá tội đều là thể của phạm giới, bài tụng với tánh tội đặt tên là phạm giới, giá tội gọi là ngăn, không gọi là phạm giới, trước giải thích phạm giới và giá giới, sau giải thích xa lìa. Lìa tánh và già đều gọi là giới, sau giải thích phần lìa tánh này, lìa hai tội này gọi là giới, vì đều có hai làm tự tánh, là nói giới có biểu vô biểu làm thể. Đã lược nói về giới cho đến cũng không thanh tịnh, là nói giới tịnh và bất tịnh. Luận chép: Nói bốn đức cho đến chẳng phải thắng sinh, là giải thích riêng bốn đức, chữ “Đẳng” là chỉ bày năm pháp hồi hướng, giải thích chữ “Đẳng” trong kệ tụng nói có thuyết khác. Có Luận sư nói lìa hẳn phiền não hoặc nghiệp, là nêu thuyết khác.

27. Nếu thuyết khác:

Luận chép: Đã nói giới loại tu loại, nên nói, trở xuống nửa bài tụng là thứ hai nói về tu hoại, luận chép cho đến tự tánh đều có, là giải thích bài tụng v.v... dẫn thiện. Luận chép: Tu gọi nghĩa là gì? Cho đến gọi riêng là tu, là giải thích nghĩa của tu, luận chép: Đoạn văn trước đã nói thí phước, trở xuống nửa bài tụng là thứ ba nói về quả tu giới. Luận chép cho đến y theo sự thù thắng mà nói tu, là nói hai quả khác nhau, nếu gồm hai quả hơn kém không khác nhau. Hoặc y theo thắng thì giới chiêu cảm sinh lên tầng trời, tu đắc giải thoát. Kinh chép bốn hạng người được sinh lên cõi phạm thiên, trở xuống là đại văn thứ hai nói về phước của Phạm Vương. Đà-đô Hán dịch là tánh, là thể tánh của Như lai, văn còn lại rất dễ hiểu, mười thắng hạnh là mười nghiệp đạo thiện trong bốn phạm phước. Chân-đế cho rằng bốn phạm phước trước lại thêm sáu thứ: Một là cứu mạng cha, xả thân mạng mình, hai là cứu mạng mẹ, xả thân mạng mình, ba là cứu mạng Như Lai xả thân mạng mình, bốn là người xuất gia trong chánh pháp, năm là dạy người xuất gia, sáu là chưa xoay bánh xe pháp thì thỉnh xoay bánh xe pháp.

Luận Chánh Lý thì quyển bốn mươi bốn chép người lìa dục tu bốn tâm vô lượng sinh, lên các tầng trời trên, thọ một kiếp an vui, nếu chưa lìa dục mà xây tháp, xây chùa, hòa tăng có thể siêng tu các gia hạnh như Tư v.v... đó cũng như tu vô lượng căn bản cảm được vui tầng trời trong một kiếp. Chẳng lẽ không phải văn trước nói cõi Dục không có

nghiệp thiện, chiêu cảm một kiếp dị thực, không có một nghiệp thiện nào, giống như bất thiện, chỉ có một Sát-na năng chiêu cảm kiếp thọ. Y theo lý ấy nên nói rằng, nhưng đối với một việc phát khởi nhiều tư thứ lớp năng chiêu cảm cái vui tầng trời trong một kiếp, nghĩa là ở tầng trời đó chết rồi lại sinh trong tầng trời đó, nên kiếp lạc gọi là không trái với lỗi trước, (theo văn luận trên thì nghiệp thiện, ở cõi Dục cũng không chiêu cảm tuổi thọ một trung kiếp).

28. Nói về pháp thí:

Tài thí đã nói còn pháp thí thế nào? Dưới đây một bài tụng là thứ ba nói về pháp thí. Luận chép cho đến. Tự tha đại phước, là giải thích không điên đảo không ô nhiễm thành pháp thí. Luận Chánh Lý chép: Nếu đúng như thật vì các hữu tình, dùng tâm vô nhiễm nói Khế kinh v.v... làm cho sinh chánh giải gọi là pháp thí. Nói như thật rằng hiển bày pháp thì chủ đối với Khế kinh hiểu không điên đảo, nói vô nhiễm hiển bày pháp thí chủ không hy vọng lợi ích cung kính, danh dự, không như thế liền vì tự tha đều tổn hại, Khế kinh v.v... hơn mười một tức là hiển bày Khế kinh cho đến luận nghị, luận Bà-sa quyển hai mươi chín có nêu ra thể của pháp cúng dường rằng: phê bình như này. Hoặc lời nói pháp, hoặc năng phát ngữ pháp tâm, tâm sở, hoặc người thọ nghe rồi sinh tâm thiện xảo giác tuệ chưa từng có, đều là tự tánh này. Pháp cúng dường như vậy đều cho năm uẩn là tự tánh.

Lại giải thích thể của tài cúng dường.

Lời bình: Nên nói như vậy, hoặc xả tài, hoặc người xả tài. Hai nghiệp Thân, ngữ hoặc năng phát pháp tâm sở kia, hoặc người thọ nhận rồi các căn đại chủng tạo sắc thêm lớn, đều là tự tánh này, ở đây ý đồng với pháp cúng dường. Nay xét kỹ ý luận về pháp thí, tài thí, pháp cúng dường tài cúng dường nghĩa có hơi khác, nên xét luận Bà-sa về tài, thì pháp thí. Luận Chánh Lý nói Khế kinh nghĩa là năng tổng nhiếp dung nạp, thuận theo thế tục thắng nghĩa thật lý. Như vậy Khế kinh là lời Phật nói, hoặc đệ tử Phật được Phật chấp nhận cho nên nói. Bài tụng cho rằng do thắng diệu nhiếp cú ngôn từ, tùy trình bày khen ngợi lời mà Khế kinh đã nói. Ở trước có người nói cũng là kinh bất liễu nghĩa.

Nói ký biệt nghĩa là tùy các câu hỏi còn lại trả lời phân tích, như Ba-la-diễn-noa trong đó nói các sở hữu biện từng sẽ đoạn chân thật nghĩa đều gọi là ký biệt, có thuyết cho là các kinh liễu nghĩa của Phật, kinh nói Phúng phóng nghĩa là dùng thắng diệu tập hợp ngôn từ chẳng phải tùy trình bày như trước mà vì khen ngợi ca vịnh hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu câu v.v... Tự nói nghĩa là không do thỉnh. Đức Thế Tôn muốn

cho chánh pháp tồn tại lâu dài, thấy việc ít có kỳ lạ, ý vui vẻ tự nói, khéo trình bày đẳng lưu.

Như nói Na-già này do Na-già kia v.v... Khởi duyên nghĩa là nói tất cả lý do khởi nói, phần nhiều là điều phục tương ứng luận đạo, kia do duyên khởi mà hiển bày. Nói “Thí dụ” là làm cho hiểu ngộ tông nghĩa đã nói, trích dẫn nhiều môn, so sánh mở bày, như trường dụ đồng với Khế kinh đã nói. Có thuyết cho rằng đây là trừ các Bồ-tát, nói các bổn hạnh khác có thể có sở chứng, chỉ bày lời nói sở tác. Nói “Bổn sự” nghĩa là nói từ xưa xoay vần truyền đến nay, không bày nói người bàn luận việc đã nói “Bổn sinh” là nói hành đã thực hành khi xưa của Bồ-tát, hoặc y việc quá khứ phát khởi các ngôn luận, tức do việc quá khứ bàn luận rất ráo, gọi là Bổn sự. Như kinh Man-đà-đa hoặc dựa vào việc hiện tại khởi các ngôn luận, cốt yếu do việc quá khứ bàn luận rất ráo, đó gọi là bổn sinh, như kinh La-sát-tư “Phương quảng” nghĩa là dùng Chánh Lý nói rộng biện các pháp do tánh tướng của tất cả pháp rất nhiều, chẳng phải ngôn từ rộng không thể nói, cũng gọi là phá rộng, do đây nói đầy đủ năng phá rất bền chắc nên vô trí mờ tối, hoặc gọi là vô tử, do đó nói rộng lý thú sâu xa rộng lớn, vì ngoài ra không thể so sánh.

Có thuyết cho rằng ở đây nói rộng về tư lương của đại Bồ-đề. Nói “Hy pháp” nghĩa là trong đó chỉ nói pháp ra đời gian ít có kỳ đặc, do đây có công năng chánh hiển ba thừa ít có. Có thuyết của Luận sư khác nói về Tam Bảo rằng thế gian, ít được nghe nên gọi là pháp ít có.

29. Giải thích vận hỏi quyết trạch:

Nói “Luận nghị” nghĩa là như trên đã nói các phần nghĩa không hiển bày trái ngược, là giải thích câu vận hỏi quyết trạch. Có người nói đối với nghĩa sâu xa mà kinh đã nói đã thấy chân thật, hoặc người hiểu biết khác, tùy lý giảng nói giải thích, cũng gọi là luận nghị, tức ở đây gọi là Ma-đát-lý-ca, là giải thích nghĩa kinh khác, vì đây là bổn mẫu. Đây lại gọi là A-tỳ-đạt-ma, do có thể hiện đối tượng các pháp vì không hiển bày trái với tướng các pháp, như vậy đã nói mười hai phần giáo, nói lược nên biết, thuộc về ba tạng. Nói ba tạng, một là Tổ-đát-lãm-tạng (kinh), hai là Tạng Tỳ-nại-da (luật và A-tỳ-đạt-ma-tạng (luận). Ba tạng này khác nhau thế nào? Chưa trông gốc lành, chưa ưa thích thắng nghĩa thì khiến cho trông và ưa thích nên gọi là Khế kinh. Đã trông và đã ưa thích làm cho thuần thực nối tiếp tác sở tác nên gọi là điều phục, đã thuần thực, đã tạo tác khiến cho ngộ giải thoát. Chánh phương tiện cho nên vì nói đối pháp, hoặc dùng văn từ bóng bẩy rộng lược để gom góp tạp nhiễm và phát khởi pháp thanh tịnh

làm cho dễ hiểu trở gọi là Khế kinh, giảng nói tu hành Thi-la phép tắc, phương tiện tịnh mạng gọi là điều phục, khéo hay hiển bày nghĩa thú sâu xa trong Khế kinh gọi là Đối pháp. Hoặc y tâm tăng thượng hưng khởi luận đạo giới học, tuệ học, như thứ lớp gọi là Khế kinh, Điều phục, Đối pháp. Hoặc tạng Tố-đất-lãm là sức đặng lưu, dùng nghĩa lý đã nói trong các kinh, vì cuối cùng không thể khuất phục. Tạng Tỳ-nại-da là đại bi đặng lưu, vì bản luận Thi-la cứu giúp đường ác, tạng A-tỳ-đạt-ma là vô úy đặng lưu an lập năng thiện trong chân pháp tướng chân thật. Hỏi Đáp Quyết trạch vô sở úy, các loại ba tạng như thế khác nhau, đã nói rộng trong Tỳ-bà-sa.

30. Nói về ba phần thiện:

Luận chép: Trước đã phân biệt, giải thích ba phước nghiệp, trở xuống một bài tụng là đại văn thứ tám nói về ba phần thiện. Luận chép cho đến, quả thiện đáng ưa là, giải thích thuận phước phần. Theo Luận Chánh Lý thì cảm hạt giống quả ái ở trời, người thế gian do sức này nên có thể chiêu cảm thế gian, cao tộc, đại gia, đại phú, sắc đẹp, Luân vương, Đế thích, ma vương, Phạm vương, các loại các quả ái như vậy. Theo văn luận trên thì phước, nghiệp bất động gọi là thuận phước phần, thuận phần giải thoát cho đến có pháp Niết-bàn, xét theo ý của Bồ-tát Thế Thân, chủng giải thoát phần thiện gọi là có pháp Niết-bàn, người chưa có hạt giống gọi là không có pháp Niết-bàn. Luận chép: Nếu có người nghe nói cho đến trước có hạt giống, là nói tướng nhân của pháp Niết-bàn. Luận chép: Thuận phần quyết trạch cho đến sau sẽ giải thích rộng, là chỉ cho phẩm Thánh hiền ở sau nói.

Luận chép: Như thế gian nói thuật như ấn toán văn số, trở xuống một bài tụng là đại văn thứ chín nói thể tánh của thư v.v... Luận chép cho đến các pháp như thọ, tướng v.v... nêu chung thể của năm pháp, luận chép: Trong đây thứ ấn cho đến năm uẩn là thể, nói thể của thư ấn đồng, luận Bà-sa quyển một trăm hai mươi sáu chép: Thư ở trong đây chẳng phải chữ sở tạo, chỉ là tất cả chữ năng thành nên gọi là Thư, đây là Thư phần sắc, chẳng phải bất tương ưng. Lại chép: Chữ “Ấn” ở đây chẳng phải ấn sở tạo, chỉ là tất cả ấn pháp năng tạo, đây có thể thành ấn nên gọi là ấn. Lại, Luận Chánh Lý chép chẳng phải các chữ gọi là Thư, ấn vân điều khắc gọi là ấn. Nhưng do nghiệp tạo tự tượng ấn vẫn nên biết tên gọi như vậy là thư ấn ở đây. Kế là toán và văn, cho đến năm uẩn làm thể: Là nói thể của toán, văn toán nghĩa là chín lần chín là tám mươi một v.v... văn nghĩa là khéo léo sắp đặt mẫu hình v.v... Luận Bà-sa chép chữ toán trong đây chẳng phải tính một, mười, một trăm, một

ngàn v.v... chỉ là tất cả pháp năng toán nên gọi là Toán. Lại chép: Chữ Thư trong đây chẳng thuật vịnh chỉ là tất cả pháp năng thành vịnh, năng thành vịnh này gọi là thi, thi tức là văn. Luận chép: Lại số nên biết, là năng số pháp nói về số, thuộc cú nghĩa số đức của Thắng Luận, số Đại thừa không thuộc tương ứng, số của tông này không lập pháp riêng.

31. Nói về mười tên khác của pháp:

Luận chép: Nay nên nói lược tên khác của các pháp, dưới đây là một bài tụng đại văn thứ mười nói về tên khác của pháp nên bài tụng không nói. Y theo sự hơn kém này xử trung tự thành, Luận chánh Lý chép: Tức thiện hữu lậu, vô phú vô ký đều gọi là trung. Luận chép: Các thiện hữu vi tốt cho đến nghĩa y theo đã thành, là giải thích tên của các điều thiện. Luận chép: Tại sao pháp vô vi không gọi là Tập? Là hỏi. Đáp: không thể thường tu tập cho đến ở đây không có quả, luận chép: Giải thoát Niết-bàn cho đến nghĩa y theo đã thành: Là nói tên khác của pháp vô vi.

